định trong chương trình cũ và tình hình thực tế của từng cơ sở mà sắp xếp bố trí cho thích hợp.

III. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP ĐÀO TẠO

Hiện nay đối tượng tuyển sinh của các trường, lớp, xí nghiệp có hai nguồn:

— Tuyển những người đã qua phụ lái ở các công trường, xí nghiệp. Cơ bản những anh em này đã nắm được khái quát về cấu tạo xe, sử dụng được những dụng cụ sửa chữa, những hư hỏng thông thường, quay ma-ni-ven, đánh signal, chèn xe, bảo dưỡng, lau chùi và hàng ngày làm quen với những động tác, tư thế của người lái chính, v.v...

— Tuyển những người ở các địa phương, thành phố, công trường, xí nghiệp chưa qua phụ lái.

Do những đặc điểm trên, việc đào tạo lái xe nên áp dụng hai phương pháp sau:

1. Nếu đối tượng là học sinh mới tuyển chưa qua phụ lái, sau khi tuyển sinh vào cho học tập chính trị, xác định thái độ, ổn định tư tưởng, yêu cầu về đạo đức của người lái xe, rồi gửi về các xí nghiệp, cho đi phụ lái khoảng một tháng. Yêu cầu thời gian phụ lái này là làm cho học sinh hiểu biết sơ bộ về nghề lái xe, cấu tạo xe, những pan thông thường, quay ma-ni-ven, đánh signal, bảo dưỡng lau chùi, v.v... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu kiến thức lý thuyết, thực tập tay nghề cơ bản ở trường. Sau đó tập trung về trường học lý thuyết, thực tập tay nghề cơ bản và thi sát hạch.

2. Nếu đối tượng đào tạo là phụ lái ở xí nghiệp, công trường tuyển lên đào tạo, thì không đi học tập phụ lái một tháng như học sinh mới, chỉ tập trung về trường học tập chính trị, xác định thái độ, ổn định tư tưởng, rồi học tập luôn lý thuyết, thực tập tay nghề cơ bản cho đến khi sát hạch.

Dù đào tạo bằng phương pháp nào, khi mãn khóa học sinh cũng phải tự lái được từ 1.200 đến 1.400km. Sau khi ra trường, về các cơ sở công tác, học sinh vẫn phải tiếp tục thực tập lái từ 400 đến 600km an toàn mới được chính thức nhận xét giao xe.

Thực tập tay lái nên bố trí từ 6 đến 10 người một xe là vừa, không nên để nhiều học sinh ngồi chờ nhiều thời gian ở trên xe như thế sẽ bị mệt mỏi, đến lượt tập lái hiệu suất kém. Nên bố trí thực tập xen kẽ, tốp này thực tập lái, tốp kia học lý thuyết hoặc ngồi ở bãi rút kinh nghiệm.

Trên đây là một số điểm hướng dẫn chung để các Bộ, các ngành, các địa phương sử dụng chương trình lái xe ô tô đã ban hành theo quyết định số 16-LĐ/QĐ ngày 5-4-1964 vào việc đào tạo công nhân lái xe ô tô trong thời chiến.

Các Bộ, các ngành, các địa phương cần hướng dẫn các trường lớp vận dụng chương trình lái xe ô tô cũ cho phù hợp với tinh thần thông tư này và tình hình thực tế của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện, có khó khăn trở ngại gì hoặc có kinh nghiệm gì, các Bộ, các ngành, các địa phương phản ánh cho Bộ Lao động biết để nghiên cứu.

Hà-nội ngày 22 tháng 6 năm 1966

K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động

Thứ trưởng

BÙI QUỲ

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ số 488 — KHKT/TT ngày 5-6-1966 về việc xây dựng, xét duyệt, ban hành, quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương của sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác quản lý kỹ thuật của các địa phương;

Căn cứ vào nghị định số 123 — CP ngày 24 tháng 8 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ, căn cứ tình hình áp dụng tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành đã ban hành;

Xét thấy Nhà nước cũng như các ngành chủ quản sản xuất ở trung ương chưa có thể tổ chức nghiên cứu, xét duyệt và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật thích hợp cho tất cả các sản phẩm do địa phương quản lý sản xuất hiện nay;

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước thấy cần thiết để các khu, tỉnh, thành phố có thể xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương theo các thể thức quy định dưới dây:

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương là văn bản kỹ thuật của một khu, tỉnh, thành phố và chỉ có hiệu lực trong phạm vi khu, tỉnh, thành phố đó.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương chỉ được xây dựng:

— khi chưa có tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành có hiệu lực đối với sản phẩm do địa phương quản lý sản xuất;

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 www.ThuVienPhapLuat.com

— khi cần cụ thể hóa tiêu chuẩn Nhà nước hoặc tiêu chuẩn ngành có hiệu lực đối với sản phẩm do địa phương quản lý sản xuất. Trong trường hợp này nội dung tiêu chuẩn địa phương không được trái với các điều quy định trong tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành;

— cho những sản phẩm sản xuất chỉ để dùng trong địa phương.

3. Ban khoa học và kỹ thuật và các cơ quan chủ quản sản xuất của khu, tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương.

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban hành chính hoặc một cơ quan được Ủy ban hành chính ủy quyền xét duyệt và ban hành.

5. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương được ban hành dưới hai hình thức:

— chính thức áp dụng, bắt buộc phải chấp hành kể từ ngày tiêu chuẩn có hiệu lực;

— khuyến khích áp dụng, không bắt buộc nhưng các cơ sở sản xuất cần cố gắng áp dụng được chừng nào tốt chừng ấy.

6. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương gồm có các loại cơ bản như tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn ngành:

— tiêu chuẩn về thông số và kích thước cơ bản,

— tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật,

— tiêu chuẩn về phương pháp thử,

— tiêu chuẩn về ghi nhãn hiệu, bao gói, vận chuyển, bảo quản,

— tiêu chuẩn toàn diện gồm đủ nội dung các tiêu chuẩn nói trên,

— tiêu chuẩn về những vấn đề kỹ thuật chung.

7. Khi xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương cần chú ý:

— Bộ phận nghiên cứu dự thảo có nhiệm vụ tổng hợp các tài liệu liên quan (các tài liệu điều tra thống kê, các tiêu chuẩn hay quy định kỹ thuật đang áp dụng, các kết quả nghiên cứu khoa học...), kinh nghiệm sản xuất và tình hình thực tiễn (về thiết kế, sản xuất, sử dụng) của địa phương, trên cơ sở đó đề ra những chỉ tiêu thích hợp đưa vào dự thảo.

— Trước khi trình xét duyệt ban hành bản dự thảo tiêu chuẩn cần được sự đóng góp ý kiến của các cơ sở sản xuất và các ngành có liên quan trong địa phương.

8. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương được trình bày thống nhất theo mẫu quy định của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước (nếu in typo). Trường hợp chỉ in rô-nê-ô hay đánh máy thì không bắt buộc theo quy định.

9. Tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương đã ban hành phải được đăng ký thống nhất vào một quyển sổ riêng tại Ban khoa học và kỹ thuật và ký hiệu thống nhất theo như quy định trong công văn số 34-KHH/ĐLTC ngày 24-2-1966 của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

10. Ban khoa học và kỹ thuật là cơ quan giúp Ủy ban hành chính chỉ đạo toàn bộ công tác tiêu chuẩn hóa ở địa phương. Tại ban khoa học và kỹ thuật cần có cán bộ chuyên trách công tác này để giúp ban làm các nhiệm vụ cụ thể sau:

— Lập kế hoạch tiêu chuẩn hóa của địa phương,

— Điều hòa, phối hợp công tác tiêu chuẩn hóa giữa các ngành trong địa phương,

— Đôn đốc, theo dõi việc nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn địa phương,

— Hướng dẫn và theo dõi chung việc áp dụng tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương,

— Hướng dẫn và theo dõi chung việc áp dụng tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn địa phương,

— Đăng ký và lưu trữ hồ sơ tiêu chuẩn địa phương. Quản lý các tài liệu về tiêu chuẩn hóa (trong nước và ngoài nước) của địa phương,

— Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tiêu chuẩn hóa trong địa phương.

Viện đo lường và tiêu chuẩn thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn chung về mặt nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cho các ban khoa học và kỹ thuật địa phương.

11. Tại các cơ quan chủ quản sản xuất có tổ chức nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn địa phương hoặc được giao trách nhiệm hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn địa phương cũng cần có cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) theo dõi về công tác tiêu chuẩn hóa. Cán bộ này giúp cơ quan làm các nhiệm vụ sau:

— Lập dự án kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn địa phương thuộc cơ quan mình phụ trách gửi cho ban khoa học và kỹ thuật để tổng hợp xây dựng kế hoạch của địa phương,

— Tổ chức nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn địa phương trong phạm vi được giao kế hoạch.

— Hướng dẫn theo dõi việc áp dụng tiêu chuẩn các cấp tại các cơ sở sản xuất do cơ quan mình quản lý,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

— Cùng ban khoa học và kỹ thuật hướng dẫn về nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cho các cơ sở sản xuất,

— Tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ tiêu chuẩn đã được xét duyệt, ban hành gửi cho ban khoa học và kỹ thuật đăng ký và lưu trữ.

12. Các vấn đề khác thì các địa phương nghiên cứu vận dụng điều lệ tạm thời về tiêu chuẩn hóa do Hội đồng Chính phủ ban hành (nghị định số 123 — CP ngày 24-8-1963) và thông tư hướng dẫn thi hành của Ủy ban Khoa học Nhà nước số 149-KHH/TT ngày 15-9-1963.

Trên đây là một số điểm quy định chung về vấn đề xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc hoặc thấy cần bổ sung, sửa đổi đề nghị các địa phương trực tiếp bàn bạc với Viện đo lường và tiêu chuẩn thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Hà-nội, ngày 5 tháng 6 năm 1966

Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học
và kỹ thuật Nhà nước
TRẦN ĐẠI NGHĨA

THÔNG TƯ số 567-KHKT/SKFM ngày 9-7-1966 về việc tổ chức đăng ký, xác minh, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Kính gửi :

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
Các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ,
Các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố.

Đồng kính gửi :

Tổng công đoàn Việt-nam,
Ban Thi đua trung ương.

Trong những năm qua, phong trào quần chúng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác đã không ngừng phát triển mạnh mẽ trong đông đảo quần chúng lao động, ở tất cả các ngành, các địa phương. Nhiều sáng kiến được áp dụng vào sản xuất, công tác, đã nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy khoa học kỹ thuật tiến bộ và góp phần đẩy mạnh sản xuất, phục vụ chiến đấu thắng lợi.

Tuy nhiên, việc tổ chức, hướng dẫn và giúp đỡ các hoạt động phát huy sáng kiến cũng như công tác đăng ký, xác minh, tổng kết, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến (sau đây gọi chung là công tác sáng kiến) vẫn chưa theo kịp những bước tiến của phong trào quần chúng, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và chiến đấu hiện nay. Nhược điểm lớn nhất và phổ biến nhất là các ngành, các cấp chưa quan tâm đúng mức đến việc hướng dẫn, giúp đỡ quần chúng phát huy sáng kiến, chưa tổng kết và sử dụng tốt sáng kiến của quần chúng.

Căn cứ điều 27 của Điều lệ khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác, ban hành theo nghị định số 20-CP ngày 8-2-1965 của Hội đồng Chính phủ, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước ra thông tư này nhằm định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc tổ chức, lãnh đạo quần chúng phát huy sáng kiến ; đồng thời hướng dẫn việc tổ chức đăng ký, xác minh, tổng kết, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến trong tất cả các ngành, các địa phương, các cơ quan và xí nghiệp Nhà nước (kể cả các xí nghiệp công tư hợp doanh).

I. Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC SÁNG KIẾN

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác là một phong trào quần chúng rộng rãi dựa trên sự kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo khoa học kỹ thuật và quần chúng đông đảo.

Công tác sáng kiến chính là nhằm tổ chức và thực hiện một cách toàn diện sự kết hợp đó.

Nội dung của công tác sáng kiến bao gồm nhiều mặt cụ thể : hướng dẫn, giúp đỡ quần chúng phát huy sáng kiến, tổ chức việc đăng ký, xác minh, tổng kết, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến... Các mặt đó có quan hệ khăng khít với nhau, coi nhẹ bất cứ mặt nào đều ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển về số lượng và chất lượng các sáng kiến, hạn chế tác dụng tích cực của sáng kiến và gây tổn hại cho sản xuất và công tác.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com